

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : **018**/QĐ/HĐTS

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam
Tu chính lần thứ VI tại Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần thứ VIII

- Căn cứ Quyết định số 83/BT của Bộ trưởng Tổng Thư ký Hội đồng Bộ trưởng ngày 29/11/1981, V/v cho phép thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam;
- Căn cứ mục 6 Nghị quyết Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần thứ VIII ngày 22/11/2017;
- Căn cứ công văn số 67/TGCP-PG ngày 19/01/2018 của Ban Tôn giáo Chính phủ, V/v phê chuẩn Hiến chương GHPGVN sửa đổi lần thứ VI;
- Căn cứ điều 71 chương XIII Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tu chính lần thứ VI được thông qua tại Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần thứ VIII, nhiệm kỳ (2017 - 2022), gồm 13 chương, 71 điều. *(đính kèm bản Hiến chương GHPGVN)*

Điều 2: Chư vị Hòa thượng Phó Chủ tịch Thường trực, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, 02 Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức phổ biến, triển khai Hiến chương GHPGVN được tu chính lần thứ VI đến các cấp Giáo hội, Tự viện, Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2 “để thực hiện”
- Ban TGCP, Vụ Phật giáo “để b/c”
- Lưu.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CHỦ TỊCH



Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ



HIẾN CHƯƠNG
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TU CHÍNH LẦN THỨ VI
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL.2562 - DL.2018

LỜI NÓI ĐẦU

Trong hơn hai ngàn năm hiện diện trên đất nước Việt Nam, đồng hành cùng dân tộc, Đạo Phật đã trở thành tôn giáo của dân tộc. Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa ngày nay, Phật giáo Việt Nam luôn luôn là thành viên tin cậy và vững mạnh trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nguyên vọng thống nhất Phật giáo Việt Nam đã thực hiện qua các thời kỳ, nhưng chưa được trọn vẹn. Từ năm 1975, Tổ quốc đã thống nhất, cả nước đoàn kết phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, Phật giáo Việt Nam đã có đầy đủ cơ duyên thực hiện nguyên vọng thống nhất trọn vẹn các tổ chức Giáo hội, tổ chức Hội và các Hệ phái Phật giáo, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào ngày 07/11/1981.

Sự thống nhất Phật giáo Việt Nam được xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống Hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chánh pháp.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời là sự kết tinh trí tuệ, là nguyên vọng chân chính của Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử các tổ chức Giáo hội, tổ chức Hội và các Hệ phái Phật giáo trong cả nước, là chủ thể kế thừa lịch sử hàng ngàn năm của Phật giáo Việt Nam.

Lý tưởng giác ngộ chân lý, hòa hợp chúng, hòa bình và công bằng xã hội của giáo lý Đức Phật, nhằm phục vụ Dân tộc, Tổ quốc và nhân loại chúng sinh, là tôn chỉ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo phương châm “Đạo Pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội”, trên cơ sở kính ngưỡng, phụng hành Giáo pháp, Giới luật Phật chế và tuân thủ Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG I

DANH XƯNG - HUY HIỆU – ĐẠO KỶ ĐẠO CA – TRỤ SỞ

Điều 1: Tổ chức Phật giáo Việt Nam cả nước lấy danh xưng là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, gọi tắt là “Giáo hội”, viết tắt là “GHPGVN”. Tên tiếng Anh là: “Vietnam Buddhist Sangha”, viết tắt là “VBS”.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981 trên cơ sở hợp nhất tự nguyện của 09 tổ chức Giáo hội, tổ chức Hội và các Hệ phái Phật giáo trong cả nước, có đủ tư cách pháp lý, pháp nhân, đại diện Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, là thành viên các tổ chức Phật giáo Quốc tế mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia.

Điều 2: Huy hiệu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hình tròn, nền xanh lá cây đậm, ở giữa vòng trong có hoa sen màu trắng tám cánh, phía trong có gương sen 08 hạt màu trắng, biểu trưng cho Bát Chánh đạo; vòng ngoài có dòng chữ “Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam” màu trắng.

Điều 3: Đạo kỳ Giáo hội Phật giáo Việt Nam là cờ 05 màu, được chia thành 06 ô dọc. 05 ô đầu có các màu theo thứ tự: xanh, vàng, đỏ, trắng, vàng cam; ô thứ 06 chia thành 05 ô ngang, có 05 màu theo thứ tự: xanh, vàng, đỏ, trắng, vàng cam, biểu trưng cho 05 pháp: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ.

Điều 4: Đạo ca Giáo hội Phật giáo Việt Nam là ca khúc “Phật giáo Việt Nam” của nhạc sĩ Lê Cao Phan.

Điều 5: Trụ sở Giáo hội Phật giáo Việt Nam đặt tại Chùa Quán Sứ, số 73 Phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Thủ đô

Hà Nội.

Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 02 Văn phòng:

- Văn phòng Trung ương: Đặt tại chùa Quán Sứ, số 73 Phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Thủ đô Hà Nội;

- Văn phòng Thường trực tại Thành phố Hồ Chí Minh: Đặt tại Thiền viện Quảng Đức, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG II

MỤC ĐÍCH - THÀNH PHẦN

Điều 6: Mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là Hoằng dương Phật pháp, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nước và ở nước ngoài, tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho thế giới.

Điều 7: Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo đúng Giáo pháp, Giáo luật Phật chế và Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 8: Thành phần của Giáo hội Phật giáo Việt Nam bao gồm những thành viên là các tổ chức Giáo hội, tổ chức Hội và các Hệ phái Phật giáo, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước đã tự nguyện hợp nhất hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chấp nhận bản Hiến chương này.

Điều 9: Thành phần nhân sự tham gia các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam là những Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử có uy tín, năng lực làm việc, đạo hạnh tốt, tiêu biểu cho các thành viên Giáo hội ở các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có công đức với Đạo pháp, Dân tộc và trung thành với Tổ quốc.

CHƯƠNG III NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Điều 10: Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc lấy Đạo pháp làm mục tiêu tối cao, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử làm trung tâm; các Thành viên tham gia tự nguyện, đoàn kết, hòa hợp, kính ngưỡng, phụng hành Giáo pháp, Giới luật và tuân thủ Pháp luật Nhà nước.

Giáo hội lãnh đạo trên nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số và thống nhất hành động.

Điều 11: Hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được quy định như sau:

- Cấp Trung ương: Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Cấp Tỉnh, Thành phố: Ban Chứng minh và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố.

- Cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Ban Chứng minh và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

Điều 12: Hội đồng Chứng minh của Giáo hội gồm chư vị Hòa thượng tiêu biểu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; có ít nhất 70 tuổi đời và 50 tuổi đạo; được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh tiền nhiệm giới thiệu và Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam suy tôn.

Điều 13: Chư vị Hòa thượng được suy tôn vào Hội đồng Chứng minh thì không tham gia Hội đồng Trị sự, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đề nghị.

Điều 14: Chư vị Hòa thượng thành viên Hội đồng Chứng minh tại vị trọn đời, ngoại trừ trường hợp đặc biệt mới phải miễn nhiệm, do quyết định của Hội đồng Chứng minh với đa số 2/3 thành viên tại Hội nghị biểu quyết tán thành.

Điều 15: Hội đồng Chứng minh là cơ quan lãnh đạo tối cao về Đạo pháp và Giới luật của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hội đồng Chứng minh suy cử Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh để thực thi các chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Chứng minh giữa hai kỳ Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc; giám sát và chứng minh các hoạt động Phật sự của các cấp Giáo hội.

Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh gồm các chức danh:

- Đức Pháp chủ.
- Chư vị Phó Pháp chủ.

- Chư vị Giám luật.
- Chánh Thư ký.
- Chư vị Phó Thư ký.
- Chư vị Ủy viên Thường trực.

Số lượng thành viên Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh thực hiện theo quy chế hoạt động của Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh.

Điều 16: Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Chứng minh các Hội nghị Trung ương và Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

2. Lãnh đạo, hướng dẫn và giám sát tối cao các hoạt động của Giáo hội, Hội đồng Trị sự về mặt Đạo pháp và Giới luật;

3. Phê chuẩn tân phong Giáo phẩm Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư của Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

4. Chuẩn y đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đệ trình;

5. Ban hành Thông điệp Phật đản, Thư chúc tết, Thông điệp trong những sự kiện trọng đại, sự kiện đặc biệt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và của đất nước;

6. Thành lập Văn phòng Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh và các Ban chuyên môn. Văn phòng và các Ban chuyên môn là cơ quan giúp việc Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh.

7. Chức năng, nhiệm vụ khác được quy định trong Quy chế hoạt động của Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, do Hội đồng Chứng minh ban hành.

Điều 17: Trong thời gian của nhiệm kỳ, nếu Đức Pháp chủ khuyết vị thì Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh cung thỉnh một trong các vị Phó Pháp chủ đảm nhiệm Quyền Pháp chủ và thông báo Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự biết để suy tôn trong Hội nghị thường niên gần nhất của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đối với các chức danh khác bị khuyết vị, Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh suy cử một trong các thành viên Ban thường trực Hội đồng Chứng minh kiêm nhiệm cho đến hết nhiệm kỳ.

Điều 18: Nhiệm kỳ của Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh là 05 năm, tương ứng với nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Điều 19: Hội đồng Trị sự là cơ quan điều hành, quản lý hành chính cao nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về mọi mặt hoạt động giữa hai nhiệm kỳ. Hội đồng Trị sự có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

1. Suy cử Ban Thường trực Hội đồng Trị sự theo quy định của Hiến chương.
2. Ấn định chương trình hoạt động hằng năm của Giáo hội theo Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Phật giáo

toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3. Tổ chức triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hằng năm, chương trình chuyên biệt và những sự kiện trọng đại của Giáo hội.

4. Tổ chức hướng dẫn, quản lý, điều hành, chỉ đạo các mặt công tác của các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương; ban hành Quy chế, Nội quy để cụ thể hóa và thực thi theo các quy định của Hiến chương, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

5. Được quyền phân công, luân chuyển nhân sự tham gia Ban Trị sự trên cơ sở trao đổi với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương trong trường hợp Ban Trị sự cấp tỉnh, thành phố thiếu nhân sự.

6. Quyết định bổ nhiệm trụ trì các cơ sở do Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp Trung ương và cấp tỉnh thành lập, quản lý trên cơ sở tham khảo ý kiến với hệ phái, sơn môn (nếu có liên hệ) và cơ quan có thẩm quyền.

7. Giới thiệu Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử tham gia các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội.

8. Là cơ quan duy nhất giữ quyền phát ngôn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có trách nhiệm về nội dung phát ngôn do các cơ quan, cá nhân trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện; quản lý hoạt động thông tin truyền thông có liên quan đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam; có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân phát ngôn, thông tin truyền thông có nội dung xuyên tạc, thiếu

chính xác, thiếu khách quan liên quan đến Đạo Phật nói chung, và đến tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp và các thành viên.

9. Đề nghị cơ quan Nhà nước xử lý đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Giáo hội Phật giáo Việt Nam vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cơ sở tự viện và thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

10. Kiểm tra, xử lý các vi phạm Giới luật, Hiến chương, Quy chế, Nội quy và các quy định khác của Giáo hội.

11. Phê chuẩn kế hoạch, chương trình hoạt động Phật sự của Ban, Viện Trung ương, Văn phòng Trung ương Giáo hội, các tổ chức cơ sở, thành viên trực thuộc Trung ương và Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh.

12. Đề nghị Ban thường trực Hội đồng Chứng minh tấn phong trước kỳ hạn trong trường hợp đặc biệt cần thiết đối với nhân sự bổ sung vào các chức vụ bị khuyết thuộc thẩm quyền suy cử của Hội đồng Trị sự.

13. Tổng hợp ý kiến của chư Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam để phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo.

14. Các quyền và nhiệm vụ khác được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh ủy quyền hoặc có quy định trong Hiến chương và các văn bản liên quan.

Điều 20: Thành viên Hội đồng Trị sự, gồm chư vị Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, quý vị Đại đức

Tăng Ni và Cư sĩ Phật tử tiêu biểu có nhiều thành tích đóng góp cho Đạo pháp và Dân tộc.

Số lượng thành viên Hội đồng Trị sự do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự tiền nhiệm đề xuất trên cơ sở đảm bảo có đầy đủ đại diện các Ban, Viện Trung ương và Ban Trị sự cấp tỉnh, thành phố do Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam quyết định, và tiến hành biểu quyết suy cử tại Đại hội.

Hội đồng Trị sự ban hành quy định chi tiết về thủ tục và tiêu chí suy cử, bãi miễn thành viên Hội đồng Trị sự, thành viên Ban Trị sự cấp tỉnh và thành viên Ban Trị sự cấp huyện, đệ trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh ấn chứng.

Điều 21: Thành viên tham gia Hội đồng Trị sự không quá 80 tuổi; mỗi thành viên không kiêm nhiệm quá 02 chức danh trong Ban Thường trực Hội đồng Trị sự; mỗi chức danh không quá 03 nhiệm kỳ.

Đối với chức danh chủ chốt cần phải thêm nhiệm kỳ công tác so với quy định, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự khóa tiền nhiệm sẽ giới thiệu, được Hội đồng Trị sự chấp thuận với đa số 2/3 tổng số Đại biểu chính thức tham dự Đại hội biểu quyết tán thành, nhưng không quá 01 nhiệm kỳ.

Trình tự, thủ tục cơ cấu nhân sự Hội đồng Trị sự phải tuân theo nguyên tắc:

1. Việc giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ mới phải tiến hành dân chủ, công khai, đầy đủ thành phần đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam

trong cả nước.

2. Danh sách nhân sự phải trình Ban Thường trực Hội đồng Trị sự tiền nhiệm thẩm tuyền, trước khi trao đổi với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cùng cấp và được Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam suy cử.

3. Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban, Viện Trung ương phải là một Tăng sĩ.

Điều 22: Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam là cơ quan Thường trực của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự ủy quyền để thay mặt lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động Phật sự của các cấp Giáo hội trên mọi công tác đối nội, đối ngoại; được thực hiện tất cả các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Trị sự. Tập thể và từng thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự chịu trách nhiệm trước Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự và Pháp luật Nhà nước.

Ban Thường trực Hội đồng Trị sự hoạt động theo Hiến chương và Quy chế hoạt động do Hội đồng Trị sự thông qua, được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam ấn chứng.

Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm các chức danh:

- Chủ tịch.
- 02 Phó Chủ tịch Thường trực.
- Các Phó Chủ tịch chuyên trách.

- Tổng Thư ký.
- 02 Phó Tổng Thư ký.
- Trưởng Ban Tăng sự.
- Trưởng Ban Giáo dục Phật giáo.
- Trưởng Ban Hướng dẫn Phật tử.
- Trưởng Ban Hoằng pháp.
- Trưởng Ban Nghi lễ.
- Trưởng Ban Văn hóa.
- Trưởng Ban Kinh tế Tài chính.
- Trưởng Ban Từ thiện Xã hội.
- Trưởng Ban Phật giáo Quốc tế.
- Trưởng Ban Pháp chế.
- Trưởng Ban Kiểm soát.
- Trưởng Ban Thông tin Truyền thông.
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- Các Ủy viên Thư ký chuyên trách.
- 02 Ủy viên Thủ quỹ.
- Các Ủy viên Thường trực.

Điều 23: Số lượng thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự. Thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự làm việc theo chế độ chuyên trách và chịu trách nhiệm toàn diện về các hoạt động chuyên ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ trên phạm vi toàn quốc.

Điều 24: Chủ tịch Hội đồng Trị sự là người thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam về mặt pháp lý trong các mối quan hệ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Khi Chủ tịch Hội đồng Trị sự có duyên sự đặc biệt phải vắng mặt, sẽ ủy quyền bằng văn bản cho một trong hai Phó Chủ tịch Thường trực để điều hành Hội nghị, Đại hội và các công việc của Giáo hội.

Chủ tịch Hội đồng Trị sự hoặc người được Chủ tịch Hội đồng Trị sự ủy quyền, giữ quyền phát ngôn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Điều 25: Ban, Viện thuộc Hội đồng Trị sự GHPGVN (gọi chung là Ban, Viện Trung ương):

1. Ban Tăng sự.
2. Ban Giáo dục Phật giáo.
3. Ban Hướng dẫn Phật tử.
4. Ban Hoàng pháp.
5. Ban Nghi lễ.
6. Ban Văn hóa.
7. Ban Kinh tế Tài chính.
8. Ban Từ thiện Xã hội.
9. Ban Phật giáo Quốc tế.
10. Ban Thông tin Truyền thông.
11. Ban Pháp chế.
12. Ban Kiểm soát.
13. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Trong trường hợp Phật sự cần thiết phải thành lập mới Ban, Viện Trung ương sẽ do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự thống nhất và thông qua tại Hội nghị thường niên của Trung ương Giáo hội.

Điều 26: Ban, Viện Trung ương là cơ quan trực thuộc Hội đồng Trị sự, triển khai các hoạt động Phật sự theo quy định của Hiến chương Giáo hội và Nội quy do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự ban hành.

Ban, Viện Trung ương được phép thành lập các tổ chức trực thuộc và hoạt động theo quy định do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự ban hành.

Điều 27: Nhiệm kỳ của Hội đồng Trị sự là 05 năm tương ứng với kỳ Đại hội Phật giáo toàn quốc.

Điều 28: Khi chưa hết nhiệm kỳ, nếu có chức vị trong Ban Thường trực Hội đồng Trị sự bị khuyết, thì Ban Thường trực báo cáo đề nghị Hội đồng Trị sự bổ sung trong Hội nghị thường niên Trung ương Giáo hội gần nhất. Trong khi chờ đợi, Ban Thường trực được quyền cử người trong Ban Thường trực Hội đồng Trị sự giữ quyền kiêm nhiệm.

Nếu Chủ tịch Hội đồng Trị sự khuyết vị khi chưa hết nhiệm kỳ, thì Ban Thường trực Hội đồng Trị sự tổ chức Hội nghị bất thường của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, đề suy cử một trong hai Phó Chủ tịch Thường trực đảm nhiệm chức vụ Quyền Chủ tịch Hội đồng Trị sự, để điều hành công tác Phật sự và tiến hành thủ tục suy cử chính thức tại Hội nghị thường niên Trung ương Giáo hội gần nhất.

CHƯƠNG VI
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
CẤP TỈNH, THÀNH

Điều 29: Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo địa giới hành chính, được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì được thành lập tổ chức Giáo hội cấp tỉnh, thành phố, với danh xưng: GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỈNH, THÀNH PHỐ (gọi chung là cấp tỉnh).

Điều 30: Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh do Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng cấp suy cử Ban Trị sự để điều hành Phật sự. Ban Trị sự là cơ quan hành chính, điều hành, quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong địa bàn tỉnh.

Số lượng thành viên Ban Trị sự thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh.

Điều 31: Nhân sự Ban Trị sự cấp tỉnh là Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử tại địa phương có uy tín, năng lực làm việc, đạo hạnh tốt, có công đức đối với Đạo pháp và Dân tộc. Trong trường hợp cần thiết, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự sẽ công cử thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đảm nhiệm chức vụ Trưởng ban Ban Trị sự cấp tỉnh.

Trình tự, thủ tục cơ cấu nhân sự Ban Trị sự phải tuân theo nguyên tắc:

1. Việc giới thiệu nhân sự tham gia Ban Trị sự cấp

tĩnh nhiệm kỳ mới phải tiến hành dân chủ, công khai, đầy đủ thành phần đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong địa bàn tỉnh.

2. Danh sách nhân sự phải trình Ban Thường trực Hội đồng Trị sự thẩm tƣờng, trước khi trao đổi với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cùng cấp.

3. Trưởng ban Ban Trị sự cấp tỉnh phải là một Tăng sĩ. Cư sĩ Phật tử không đảm nhận cương vị Phó Trưởng ban Ban Trị sự cấp tỉnh.

4. Tại Ban Trị sự cấp tỉnh, khi đã được suy tôn vào hàng Chứng minh thì không tham gia Ban Trị sự.

Điều 32: Ban Trị sự cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Tổ chức thực hiện chủ trương, đường hướng, chương trình hoạt động Phật sự tại địa phương theo sự hướng dẫn của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

2. Ấn định chương trình hoạt động hằng năm theo Nghị quyết, Chương trình hoạt động Phật sự của Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh đề ra;

3. Tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hằng năm, chương trình chuyên biệt và những sự kiện trọng đại của Giáo hội tại địa phương;

4. Kiểm tra, hướng dẫn, quản lý, điều hành các mặt công tác Phật sự của các Ban trực thuộc Ban Trị sự cấp tỉnh, Ban Trị sự cấp huyện và các thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại địa phương. Đối với các vấn

đề không xử lý được, Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh đệ trình lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự hoặc các Ban, Viện Trung ương để được hướng dẫn giải quyết;

5. Suy cử Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh;

6. Số lượng thành viên Ban Thường trực Ban Trị sự và các chức danh Ban Thường trực thực hiện theo Hiến chương và Quy chế hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh;

7. Chuẩn y thành phần nhân sự các Ban chuyên môn, Ban Giám hiệu các cơ sở giáo dục đào tạo trực thuộc Ban Trị sự cấp tỉnh;

8. Thông qua Quy chế, Nội quy hoạt động của các Ban chuyên môn, Ban Giám hiệu các cơ sở giáo dục đào tạo trực thuộc Ban Trị sự cấp tỉnh;

9. Giới thiệu Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử tham gia các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

10. Được quyền phân công, luân chuyển nhân sự bổ sung tham gia Ban Trị sự trên cơ sở trao đổi với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương trong trường hợp Ban Trị sự cấp huyện thiếu nhân sự.

11. Tổng hợp ý kiến của các thành viên trong địa bàn tỉnh để phản ánh đến Trung ương Giáo hội, cơ quan Nhà nước tại địa phương về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức, cá nhân là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong địa bàn tỉnh.

12. Quyết định bổ nhiệm trụ trì các cơ sở Giáo hội

do Ban Trị sự cấp tỉnh thành lập, quản lý trên cơ sở tham vấn Ban Trị sự cấp huyện, hệ phái, sơn môn (nếu có liên hệ) và trao đổi với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13. Phê chuẩn kế hoạch, chương trình hoạt động của Ban Trị sự cấp huyện, các Ban chuyên môn, Trường Trung cấp (Cao đẳng) Phật học trực thuộc Ban Trị sự cấp tỉnh.

14. Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại Quy chế hoạt động Ban Trị sự cấp tỉnh do Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành.

Điều 33: Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh là cơ quan thường trực của Ban Trị sự cấp tỉnh, được Ban Trị sự cấp tỉnh ủy quyền thay mặt lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động của các cấp Giáo hội tại địa phương trên mọi công tác đối nội, đối ngoại.

Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh gồm các chức danh:

- Trưởng ban Ban Trị sự.
- 01 Phó Trưởng ban Thường trực.
- Các Phó Trưởng Ban chuyên trách.
- Các Trưởng ban phụ trách các ngành theo các Ban ở cấp Trung ương.
- 01 Chánh Thư ký.
- 02 Phó Thư ký.
- 01 Thủ quỹ.
- Các Ủy viên Thường trực.

Điều 34: Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Trị sự và Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, có trách nhiệm tuân thủ Hiến chương, Quy chế, Quyết định và các Chỉ thị do Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành hoặc phê chuẩn.

Các Ban chuyên môn thuộc Ban Trị sự cấp tỉnh là cơ quan giúp việc Ban Trị sự, chịu sự điều hành chung của Ban Thường trực Ban Trị sự và thực hiện theo chỉ đạo về hoạt động chuyên ngành của Ban Trung ương.

Điều 35: Chức năng, quyền hạn của Trưởng ban Ban Trị sự cấp tỉnh:

1. Trưởng ban Ban Trị sự cấp tỉnh là người thay mặt Ban Trị sự cấp tỉnh về mặt pháp lý trong các mối quan hệ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong tỉnh.

2. Trưởng ban Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh hoặc người được Trưởng ban Ban Trị sự ủy quyền, giữ quyền phát ngôn của Giáo hội tại địa phương.

Khi Trưởng ban Ban Trị sự có duyên sự đặc biệt phải vắng mặt, sẽ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Trưởng ban Thường trực để thay mặt điều hành Hội nghị, Đại hội và các Phật sự khác của Ban Trị sự cấp tỉnh và hết hiệu lực khi Trưởng ban Ban Trị sự trở lại nhiệm sở.

Những trường hợp khuyết vị khác không có quy định tại chương VI của Hiến chương, thì được giải quyết

bằng một quyết định của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, áp dụng cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 36: Nhiệm kỳ của Ban Trị sự cấp tỉnh là 05 năm tương ứng với nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu Phật giáo cấp tỉnh.

CHƯƠNG VII

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH

Điều 37: Các Quận, Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc tỉnh theo địa giới hành chính, được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì được thành lập tổ chức Giáo hội cấp quận, huyện, thị xã, thành phố, với danh xưng: GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện).

Điều 38: Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện do Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng cấp suy cử Ban Trị sự để điều hành Phật sự. Ban Trị sự cấp huyện là cơ quan hành chính, điều hành, quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động Phật sự của Giáo hội tại địa phương.

1. Số lượng thành viên Ban Trị sự và thành viên Thường trực Ban Trị sự cấp huyện thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện do Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành.

2. Thường trực Ban Trị sự cấp huyện gồm các chức danh:

- Trưởng ban Ban Trị sự.
- 01 Phó Trưởng ban Thường trực.
- 02 Phó Trưởng ban chuyên trách.
- Các Ủy viên chuyên môn tương ứng với các Ban chuyên môn của Ban Trị sự cấp tỉnh.
- 01 Thư ký.
- 02 Phó Thư ký.
- Một Thủ quỹ.
- Một Kiểm soát
- Các Ủy viên Thường trực.
- Các Ủy viên.

Điều 39: Nhân sự Ban Trị sự cấp huyện là Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử tại địa phương có uy tín, năng lực làm việc, đạo hạnh tốt, có công đức đối với Đạo pháp và Dân tộc. Trong trường hợp cần thiết, Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh sẽ công cử thành viên Ban Thường trực Ban Trị sự đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Trị sự cấp huyện.

Trình tự, thủ tục cơ cấu nhân sự Ban Trị sự phải tuân theo nguyên tắc sau:

1. Việc giới thiệu nhân sự tham gia Ban Trị sự cấp huyện nhiệm kỳ mới phải tiến hành dân chủ, công khai, đầy đủ thành phần đại diện cho các thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại địa phương.

2. Danh sách nhân sự phải trình Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh thẩm tra trước khi trao đổi với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cùng cấp.

3. Trưởng ban Ban Trị sự cấp huyện phải là một vị Tăng sĩ. Cư sĩ Phật tử không đảm nhận cương vị Phó Trưởng ban Ban Trị sự cấp huyện.

4. Tại Ban Trị sự cấp huyện, khi đã được suy tôn vào hàng Chứng minh thì không tham gia Ban Trị sự.

Điều 40: Ban Trị sự cấp huyện có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Tổ chức thực hiện chủ trương, đường hướng, chương trình hoạt động Phật sự tại địa phương theo sự hướng dẫn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp trên.

2. Ấn định chương trình hoạt động hằng năm theo Nghị quyết, chương trình hoạt động của Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện đề ra.

3. Tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hằng năm, chương trình chuyên biệt và những sự kiện trọng đại tại địa phương.

4. Kiểm tra, hướng dẫn, quản lý, điều hành các mặt công tác Phật sự của các thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại địa phương. Đối với những vấn đề không xử lý được, Thường trực Ban Trị sự cấp huyện đệ trình lên Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh, các Ban chuyên ngành cấp tỉnh hoặc Ban, Viện Trung ương hướng dẫn giải quyết.

5. Chuẩn y thành phần nhân sự, Nội quy hoạt động của Ban Hộ tự và các đạo tràng, câu lạc bộ sinh hoạt Phật giáo tại cơ sở tự viện trong địa bàn huyện.

6. Giới thiệu Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử tham gia các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương;

7. Tổng hợp ý kiến của các thành viên trong địa bàn huyện để phản ánh đến Ban Trị sự cấp tỉnh và cơ quan Nhà nước tại địa phương về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử trong địa bàn huyện.

8. Đề xuất việc bổ nhiệm trụ trì các Chùa, Tổ đình, Tịnh xá, Thiền viện, Tu viện, Tịnh viện, Tịnh thất, Niệm Phật đường, tổ chức thành viên cơ sở lên Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh phê duyệt, quyết định sau khi được sự thống nhất của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương. Nếu cơ sở có liên hệ đến hệ phái, sơn môn thành viên, cần được sự trao đổi, thống nhất trước.

9. Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Trị sự cấp Quận, Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc tỉnh.

Điều 41: Chức năng, quyền hạn của Trưởng ban Ban Trị sự cấp huyện:

1. Là người thay mặt Ban Trị sự cấp huyện về mặt pháp lý trong các mối quan hệ của Ban Trị sự ở trong và ngoài huyện.

2. Trưởng ban Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện hoặc người được Trưởng ban Ban Trị sự ủy quyền, giữ quyền phát ngôn của Giáo hội tại địa phương.

3. Khi Trưởng ban Ban Trị sự cấp huyện có duyên sự đặc biệt phải vắng mặt, sẽ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Trưởng ban Thường trực để điều hành Hội nghị, Đại hội và các công việc của Ban Trị sự cấp huyện và hết hiệu lực khi Trưởng ban Ban Trị sự trở lại nhiệm sở.

4. Những trường hợp không có quy định tại chương VII của Hiến chương, thì được giải quyết bằng một Quyết định khác của Ban Thường trực Ban Trị sự, áp dụng cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 42: Nhiệm kỳ của Ban Trị sự cấp huyện là 05 năm, tương ứng với kỳ Đại hội Đại biểu Phật giáo Việt Nam cấp huyện.

CHƯƠNG VIII ĐẠI HỘI - HỘI NGHỊ

Điều 43: Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức 05 năm một kỳ, do Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội triệu tập để:

1. Kiểm điểm hoạt động của Giáo hội trong 05 năm qua.
2. Ấn định chương trình hoạt động 05 năm tới.
3. Suy tôn Hội đồng Chứng minh, suy cử Hội đồng Trị sự.
4. Thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến chương của Giáo hội.
5. Thông qua danh sách tấn phong hàng Giáo phẩm.
5. Thông qua Nghị quyết Đại hội.

Điều 44: Đại biểu chính thức tham dự Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm: Thành viên Hội đồng Chứng minh; thành viên Hội đồng Trị sự và Đại biểu theo sự phân bổ của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh và các cơ sở tự viện, tổ chức của Giáo hội tại nước ngoài.

Các quyết định được thông qua tại Đại hội với đa số Đại biểu có mặt biểu quyết tán thành, trừ trường hợp sửa đổi Hiến chương được quy định ở điều 70 Hiến chương. Chỉ có Đại biểu chính thức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia Đại hội mới được quyền biểu quyết. Đại hội hợp lệ phải có số lượng 2/3 tổng số Đại biểu được triệu tập.

Điều 45: Hội nghị Hội đồng Chứng minh do Đức Pháp chủ triệu tập 05 năm một kỳ, để tổng kết Phật sự của Giáo hội đã thi hành; phê chuẩn chương trình Phật sự sẽ thi hành, suy cử Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh.

Trong trường hợp cần thiết, Đức Pháp chủ sẽ triệu tập Hội nghị Hội đồng Chứng minh bất thường, do Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh chấp thuận hoặc 2/3 tổng số thành viên Hội đồng Chứng minh đề nghị.

Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh tổ chức họp mỗi năm một kỳ để tổng kết hoạt động trong một năm qua và định hướng hoạt động cho năm tới.

Điều 46: Hội nghị thường niên Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự do Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội triệu tập.

Hội nghị thường niên có nhiệm vụ tổng kết hoạt động Phật sự một năm qua; căn cứ Nghị quyết của Đại hội, thảo luận và ấn định chương trình hoạt động Phật sự trong năm tới; thảo luận và ấn định thời gian Hội nghị Ban Thường trực của Giáo hội và những vấn đề về tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trị sự; thông qua Nghị quyết Hội nghị.

Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự có nhiệm vụ sơ kết công tác Phật sự 06 tháng đầu năm và chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động Phật sự 06 tháng cuối năm.

Thành phần tham gia và được quyền biểu quyết tại Hội nghị thường niên Trung ương Giáo hội gồm có:

1. Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh.
2. Thành viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
3. Trưởng, Phó Ban Thường trực các Ban, Viện Trung ương.

Điều 47: Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội sẽ triệu tập Hội nghị bất thường do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đề nghị hoặc 2/3 tổng số thành viên Hội đồng Trị sự đề nghị.

Thành phần Hội nghị bất thường, thể theo thành phần Hội nghị thường niên Trung ương quy định ở điều 46 Hiến chương.

Điều 48: Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh do Trưởng ban Ban Trị sự triệu tập 05 năm một kỳ để tổng kết công các hoạt động trong 05 năm qua; thảo luận, ấn định chương trình hoạt động trong 05 năm tới; suy cử Ban Chứng minh, Ban Trị sự; thông qua Nghị quyết Đại hội.

Đại biểu chính thức tham dự Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh gồm: thành viên Ban Trị sự và Đại biểu theo sự phân bổ của Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh đối với các Ban trực thuộc Ban Trị sự và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện.

Đại hội Đại biểu cấp tỉnh quyết định theo đa số đại biểu có mặt. Đại hội hợp lệ phải có số lượng 2/3 tổng số Đại biểu được triệu tập. Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh phải kết thúc trước Đại hội Đại biểu toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam và thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự. Căn cứ kết quả Đại hội, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành Quyết định chuẩn y nhân sự.

Điều 49: Hội nghị Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh do Trưởng ban Ban Trị sự triệu tập một năm 02 kỳ để sơ kết, tổng kết công tác Phật sự hằng năm và được tổ chức

trước khi diễn ra Hội nghị thường niên của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Khi cần thiết, Trưởng ban Ban Trị sự cấp tỉnh sẽ triệu tập Hội nghị bất thường do Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh đề nghị hoặc 2/3 tổng số thành viên Ban Trị sự đề nghị.

Điều 50: Hội nghị Ban Trị sự cấp tỉnh giữa nhiệm kỳ do Trưởng ban Ban Trị sự triệu tập, để sơ kết công tác Phật sự giữa nhiệm kỳ, bổ sung nhân sự khuyết vị.

Điều 51: Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện do Trưởng ban Ban Trị sự cấp huyện triệu tập 05 năm một kỳ để tổng kết công tác hoạt động Phật sự trong 05 năm qua; Thảo luận, ấn định chương trình hoạt động trong 05 năm tới; Suy cử Ban Trị sự cấp huyện; thông qua Nghị quyết Đại hội.

Đại biểu chính thức tham dự Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện gồm: Thành viên Ban Trị sự và Đại biểu theo sự phân bổ của Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện đối với các cơ sở tự viện trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện.

Đại hội Đại biểu quyết định theo đa số Đại biểu có mặt. Đại hội hợp lệ phải có số lượng 2/3 tổng số Đại biểu được triệu tập. Đại hội Đại biểu Phật giáo cấp huyện được kết thúc trước Đại hội Đại biểu Phật giáo cấp tỉnh và thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Ban Trị sự cấp tỉnh. Căn cứ kết quả Đại hội, Trưởng ban Ban Trị sự cấp tỉnh ban hành Quyết định chuẩn y nhân sự.

Điều 52: Hội nghị Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện do Trưởng ban Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện triệu tập hằng tháng, hằng quý, 6 tháng và một năm một kỳ để kiểm điểm, hoạch định chương trình hoạt động của từng quý và cả năm.

Khi cần thiết, Trưởng ban Ban Trị sự cấp huyện sẽ triệu tập Hội nghị bất thường do Thường trực Ban Trị sự cấp huyện đề nghị hoặc 2/3 tổng số thành viên Ban Trị sự đề nghị.

CHƯƠNG IX GIÁO PHẨM

Điều 53: Đại hội Đại biểu Phật giáo Việt Nam phê chuẩn danh sách tấn phong hàng Giáo phẩm Hòa thượng đối với Thượng tọa tuổi đời từ 60 tuổi trở lên, tuổi đạo từ 40 hạ lạc trở lên, có đạo hạnh tốt, có công đức với Đạo pháp và Dân tộc, có đóng góp cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam và đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 54: Đại hội Đại biểu Phật giáo Việt Nam xem xét tấn phong Giáo phẩm Thượng tọa đối với Đại đức tuổi đời từ 45 tuổi trở lên, tuổi đạo từ 25 hạ lạc trở lên, có đạo hạnh tốt, có công đức với Đạo pháp và Dân tộc, có đóng góp cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam và đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 55: Hàng Giáo phẩm của Ni giới là Ni trưởng và Ni sư. Tiêu chuẩn và điều kiện để tấn phong Giáo phẩm của

Ni giới như quy định của hàng Tăng giới ở điều 53, 54 Hiến chương.

Điều 56: Thủ tục tấn phong hàng Giáo phẩm do Ban Trị sự cấp tỉnh đề nghị lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để xét duyệt, đệ trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn, được Hội nghị Trung ương Giáo hội thông qua và Đại hội Đại biểu toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam phê chuẩn tấn phong bằng Nghị quyết Đại hội và Giáo chỉ do Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam ấn ký.

Trong trường hợp đặc biệt, Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh xem xét phê chuẩn tấn phong Giáo phẩm trước thời hạn trên cơ sở đề nghị của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, trình Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành Giáo chỉ.

CHƯƠNG X

TỰ VIỆN VÀ THÀNH VIÊN

Điều 57: Đơn vị cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là chùa, tổ đình, tịnh xá, thiền viện, tu viện, tịnh viện, tịnh thất, niệm Phật đường (gọi chung là tự viện), dưới sự quản lý của các cấp Giáo hội.

Điều 58: Thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm thành phần Giáo phẩm và đại chúng theo quy định Nội quy Tăng sự.

Điều 59: Thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có quyền được đề cử và được suy cử vào các cấp Giáo hội, có quyền thảo luận và biểu quyết công việc của Giáo hội trong các kỳ Hội nghị hay Đại hội của Giáo hội, có nhiệm

vụ chấp hành Hiến chương, Quy chế, Nội quy và Nghị quyết của Giáo hội.

Điều 60: Tín đồ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là những người tin tưởng Phật pháp, thực hành theo giáo lý Đức Phật và tùy khả năng, tự nguyện thọ trì Giới luật Phật chế.

Điều 61: Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ quy định cụ thể trong Nội quy Ban Tăng sự và Nội quy Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương để hướng dẫn chi tiết về quản lý tự viện, sinh hoạt của Tăng Ni và tín đồ Cư sĩ Phật tử.

CHƯƠNG XI TÀI CHÍNH – TÀI SẢN

Điều 62: Tài chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm có:

1. Niên liễm do các thành viên đóng góp.
2. Tài chính do các Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử, tư nhân trong và ngoài nước cúng dường.
3. Tài chính do Giáo hội tự tạo.

Điều 63: Tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm có động sản, bất động sản hợp pháp:

1. Do Giáo hội xây dựng, tạo mãi hoặc tư nhân trong và ngoài nước hiến cúng hợp pháp.
2. Do các thành viên Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử thuộc các tổ chức Giáo hội, tổ chức Hội và các Hệ phái Phật

giáo qua các thời kỳ xây dựng, tạo mãi hợp pháp, được Giáo hội bảo hộ và quản lý chung theo luật pháp Nhà nước.

3. Giáo sản được giải quyết căn cứ theo quy định chung của pháp luật về tài sản.

CHƯƠNG XII TUYÊN DƯƠNG CÔNG ĐỨC VÀ KỶ LUẬT

Điều 64: Thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có nhiều thành tích, công đức với Đạo pháp và Dân tộc sẽ được tuyên dương:

1. Trung ương Giáo hội tuyên dương:

a. Thành viên Hội đồng Trị sự, Ban, Viện Trung ương Giáo hội được 2/3 số lượng thành viên Hội đồng Trị sự biểu quyết chấp thuận tặng Bằng tuyên dương công đức hoặc Bằng công đức.

b. Thành viên Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự quyết định tặng Bằng tuyên dương công đức hoặc Bằng công đức.

2. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh được tặng Bằng tuyên dương công đức, Bằng công đức cho tập thể, cá nhân theo từng địa phương, thể thức như Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam quy định tại khoản 1.

Điều 65: Hình thức kỷ luật:

1. Thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam vi phạm Giới luật, Hiến chương, Quy chế, Nội quy của Giáo hội, tùy theo lỗi nặng nhẹ, Giáo hội sẽ xử lý theo Giáo luật.

2. Thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam có hoạt động và hành vi làm thương tổn đến thanh danh, đến sự hòa hợp, đến quyền lợi của Giáo hội hoặc các thành viên của Giáo hội, phương hại đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đến hòa bình, độc lập, thống nhất của Tổ quốc, Giáo hội sẽ xử lý theo Giáo luật và tùy mức độ vi phạm Giáo hội sẽ đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo pháp luật.

3. Thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam bị mất quyền công dân do vi phạm pháp luật thì đương nhiên mất tư cách là thành viên của Giáo hội.

4. Các thành viên bị khai trừ, sau khi hối cải, có thể xin gia nhập lại Giáo hội. Trường hợp mất quyền công dân mà đã được phục hồi quyền công dân thì có thể được xin phục hồi tư cách thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Điều 66: Việc thi hành kỷ luật đối với thành viên thuộc cấp tỉnh quản lý do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh quyết định; đối với các ủy viên Ban Trị sự do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN quyết định; đối với thành viên Hội đồng Trị sự do 2/3 số lượng thành viên Hội đồng Trị sự biểu quyết và Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn.

Điều 67: Đối với Tăng Ni vi phạm về giới luật, tùy theo

mức độ vi phạm, Ban Tăng sự các cấp phối hợp cùng Ban Trị sự cấp huyện và Ban Trị sự cấp tỉnh căn cứ Luật Phật chế để xét xử và giải quyết. Trường hợp không giải quyết được, Ban Trị sự trình lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để giải quyết; nếu vẫn không được thì Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đệ trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh xử lý theo Giới luật.

CHƯƠNG XIII

HIỆU LỰC CỦA HIẾN CHƯƠNG VÀ SỬA ĐỔI HIẾN CHƯƠNG

Điều 68: Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của Giáo hội. Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp ban hành văn bản phải phù hợp với Hiến chương GHPGVN.

Điều 69: Dự án sửa đổi Hiến chương do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự xây dựng và trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự thẩm tuyền.

Điều 70: Dự án sửa đổi Hiến chương do Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam thông qua với 2/3 tổng số Đại biểu Đại hội biểu quyết.

Điều 71: Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm có: Lời nói đầu, 13 chương và 71 điều.

Hiến chương sửa đổi lần thứ VI được xây dựng trên cơ sở kế thừa những ưu việt của Hiến chương đầu tiên được Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam cả nước nhất trí thông qua năm 1981, được tu chỉnh lần thứ nhất tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc kỳ II

năm 1987; lần thứ hai tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc kỳ III năm 1992; lần thứ ba tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc kỳ IV năm 1997; lần thứ tư tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc kỳ VI năm 2007; lần thứ năm tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc kỳ VII năm 2012.

Hiến chương được chính thức thông qua tại Đại hội Đại biểu Phật giáo Toàn quốc kỳ VIII, ngày 22 tháng 11 năm 2017.

Hiến chương có giá trị thi hành sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/TGCP-PG

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2018

V/v phê chuẩn Hiến chương
GHPGVN sửa đổi lần thứ VI

Kính gửi: Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Căn cứ Điều 24, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; xét đề nghị của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại công văn số 004/CV-HĐTS, ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc phê chuẩn Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam sửa đổi, bổ sung lần thứ VI, thông qua tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ VIII, ngày 22/11/2017; sau khi xem xét Hiến chương (đính kèm) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ có ý kiến như sau:

Chấp thuận Hiến chương sửa đổi lần thứ VI, thông qua tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (đính kèm công văn số 004/CV-HĐTS, ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam), với những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại *Lời nói đầu*, các Điều: 9, 11, 14, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 28, 31, 35, 38, 39, 41, 49, 50, 51, 52, 57, 60, 63, 71 trong Hiến chương nêu trên.

Ban Tôn giáo Chính phủ trả lời đề Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam biết, thực hiện././

Nơi nhận:

- Như trên (2);
- Phó Trưởng ban phụ trách;
- Lưu VT, PCTT, PG(2).



TRƯỞNG BAN

Vũ Chiến Thắng

**HIẾN CHƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO
VIỆT NAM
TU CHÍNH LẦN THỨ VI
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM – HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT: 024.37822845 – Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc – Tổng Biên tập
TS. NGUYỄN CÔNG ƠN

Biên tập : **LÊ HỒNG SƠN**
Sửa bản in : **HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GHPGVN**
Trình bày : **TRƯỜNG THỊNH - HỒNG MINH**
Bìa : **CHÁNH TÂM NGHIÊM**

Đơn vị liên kết
BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8
quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

In 5.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, in tại Công ty Cổ phần In Khuyến học
Phía Nam, số 128/7/7 Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 932-2018/CXBIPH/01-59/TG
Mã ISBN: 978-604-61-5479-2
QĐXB: 96/QĐ-NXBTG ngày 22 tháng 3 năm 2018
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2018